

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN GIÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập _ Tự do _ Hạnh phúc

Số: /TB-TVG

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

NĂM HỌC 2024 – 2025

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1981	736	665	580
1	Tốt	1730	655	553	522
	(tỷ lệ so với tổng số)	87.32%	88.99%	83.16%	90%
2	Khá	191	67	78	46
	(tỷ lệ so với tổng số)	9.6%	9.1%	11.73%	7.93%
3	Trung bình	48	10	26	12
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.04%	1.36%	3.91%	2.07%
4	Yếu	12	4	8	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.6%	0.54%	1.2%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1981	736	665	580
1	Giỏi	533	206	171	156
	(tỷ lệ so với tổng số)	26.9%	27.99%	25.7%	26.9%
2	Khá	1180	439	397	344
	(tỷ lệ so với tổng số)	59.57%	59.64%	59.7%	59.31%
3	Trung bình	262	90	95	77
	(tỷ lệ so với tổng số)	13.23%	12.2%	14.3%	13.28%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.3%	1 0.14%	2 0.3%	3 0.52%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1981	736	655	580
1	Lên lớp thẳng (không thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	1975 98.76%	735 99.13%	663 98.17%	580 0%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	533 26.9%	206 27.99%	171 25.7%	156 26.9%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1180 59.57%	439 59.64%	397 59.7%	344 59.31%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	06 0.3%	01 0.14%	02 0.3%	03 0.52%
3	Lưu ban thẳng (không thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	00 00%	00 00%	00 00%	00 00%
4	Chuyển trường đến	22	11 0.55%	10 0.5%	01 0.05%
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	49 2.47%	26 1.3%	18 0.9%	05 0.25%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
IV	<u>Số học sinh</u> đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	43	00	19	24
1	Cấp tỉnh/thành phố	43	00	19	24
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	0	00	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	580	/	/	580
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	580 100%	/	/	580 100%
VII	Số học sinh đạt điểm thi đại học từ 20 điểm trở lên (tỷ lệ so với tổng số)	518 89,93%	/	/	518 89,93%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1035/946	367/369	398/267	270/310
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 9 năm 2024

Nơi nhận:

Hiệu trưởng

-Đưa trang web trường (để công khai);

-Lưu VT.

Phạm Thị Thu Hồng

